

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 - LAI CHÂU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 03/2025/DS-ST

Ngày 08-12-2025

V/v: Tranh chấp quyền sử dụng đất,
yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - LAI CHÂU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Hồng Ngoãn

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Vàng A Măng

2. Ông Tẩn A Sênh

- Thư ký phiên tòa: Ông Phùng Trung S -Thư ký Tòa án

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Lai Châu tham gia phiên
tòa:** Bà Lê Ngọc Trang - Kiểm sát viên.

Trong ngày 08/12/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3- Lai Châu. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự, thụ lý số: 10/2024/TLST - DS, ngày 15 tháng 5 năm 2024 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2025/QĐXXST-DS ngày 06/ 5/2025 và theo Thông báo mở lại phiên tòa số: 03/TB-TA ngày 26/11/2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Tẩn Páo G, sinh năm 1968; Nơi ĐKKHKT: Bản T Ph, xã S H, tỉnh Lai Châu. Có mặt.

Bị đơn: Ông Tẩn In S, sinh năm 1977; Nơi ĐKKHKT: Bản T Ph, xã S H, tỉnh Lai Châu. Có mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Tẩn Sun M, sinh năm 1966; Nơi ĐKKHKT: Bản T Ph, xã S H, tỉnh Lai Châu. Vắng mặt không có lý do.

2. Bà Tẩn Mí Kh, sinh năm 1979; Nơi ĐKKHKT: Bản T Ph, xã S H, tỉnh Lai Châu. Có mặt.

3. Ủy ban nhân dân xã T Ph, huyện SH, tỉnh Lai Châu (nay là xã S H, tỉnh Lai Châu. Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Bá S, Chức vụ: Chủ tịch. Vắng mặt có lý do.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Công H -Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lai Châu. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Trần Văn Th-Luật sư, Nơi công tác: Công ty Luật TNHH KoCi, địa chỉ: P1613 Trung tâm thương mại & Căn hộ chung cư - Đô thị Xa La, phường Trúc La, quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội. Có mặt.

Người làm chứng:

1. Anh Tần A S, sinh năm 1976; Địa chỉ: Bản B Ph, xã S H, tỉnh Lai Châu. Có mặt.

2. Anh Tần Yêu S, sinh năm 1983; Địa chỉ: Bản B Ph, xã S H, tỉnh Lai Châu. Vắng mặt.

3. Ông Liều A L, sinh năm 1955; Địa chỉ: Bản L Ch, xã S H, tỉnh Lai Châu. Vắng mặt.

4. Ông Liều A D, sinh năm 1988 (Trưởng bản L Ch); Địa chỉ: Bản L Ch, xã S H, tỉnh Lai Châu. Vắng mặt.

5. Bà Vàng Thị G, sinh năm 1959; Địa chỉ: Bản L Ch, xã S H, tỉnh Lai Châu. Vắng mặt.

6. Anh Thào A S, sinh năm 1976; Địa chỉ: Bản L Ch, xã S H, tỉnh Lai Châu. Vắng mặt.

7. Ông Liều A K, sinh năm 1944; Địa chỉ: Bản L Ch, xã S H, tỉnh Lai Châu. Vắng mặt.

8. Ông Liều A K, sinh năm 1963; Địa chỉ: Bản L Ch, xã S H, tỉnh Lai Châu. Vắng mặt.

9. Ông Chèo Duyên Q, sinh năm 1941; Địa chỉ: Bản M S Ph, xã S H, tỉnh Lai Châu. Vắng mặt.

10. Ông Thào A Ch, sinh năm 1966; Địa chỉ: Bản L Ch, xã S H, tỉnh Lai Châu. Vắng mặt.

11. Ông Thào A S, sinh năm 1951; Địa chỉ: Bản L Ch, xã S H, tỉnh Lai Châu. Vắng mặt.

12. Ông Tần Sếnh S, sinh năm 1966; Địa chỉ: Bản L Ch, xã S H, tỉnh Lai Châu. Vắng mặt.

13. Hợp tác xã M D - Chủ nhiệm: Ông Giàng Xuân C, sinh năm 1984; Địa chỉ: Th 1, xã SH, tỉnh Lai Châu. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Tân Páo G trình bày:

Về nguồn gốc: Thửa đất đang tranh chấp do bố mẹ ông G (cụ Tân Kin H và cụ Tân Diễn Ph) để lại cho vợ chồng ông từ khi ông khoảng 23 tuổi. Thời điểm đó có lập giấy, nhưng khi xây nhà đã để thất lạc. Người biết việc tặng cho gồm bố ông G và một số người họ hàng nhưng nay đã chết, không còn ai để xác nhận.

Về quá trình sử dụng: Ông G cho biết từ khi được bố mẹ cho đất, ông đã trồng ngô, sắn, kê đá và đào rãnh xác định ranh giới. Đến khoảng năm 1993 xảy ra dịch lở mòn long móng, ông Tân In S có đất trâu đến thả trên nương khoảng hai tháng rồi dắt về. Khi gia đình ông dọn nương để trồng lại thì không ai phản đối. Sau khi được bố mẹ ông tặng cho ông trồng cây ngô, cây sắn. Đến năm 2012, ông S đến phá hoa màu (ngô, sắn), cho rằng đó là đất nương của gia đình ông S, từ đó phát sinh tranh chấp. Đến năm 2019 ông tiếp tục trồng 3000 cây quế nhưng năm 2021 ông S tiếp tục đến tranh chấp và đốt nương cháy hết 3000 cây quế của gia đình ông. Việc tranh chấp đất giữa hai gia đình đã được UBND xã Tả Phìn hòa giải hai lần vào năm 2020 và 2021 nhưng không thành.

Hiện trạng của đất tranh chấp: Diện tích là 2,5 ha, là loại đất nương, có địa chỉ tại khu vực bản Liều Chải, xã Tả Phìn, huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu nay là Bản L Ch, xã S H, tỉnh Lai Châu. Đất có vị trí tiếp giáp: Phía Nam giáp đất nương của ông Vàng A Lồng; phía Bắc giáp ông Thào A S và ông Thào A Ch; Phía Tây giáp nương của Thào A Ch đều thuộc bản Liều Chải, xã Tả Phìn cũ; Phía Đông giáp nương của ông Tân Sếnh S thuộc bản Tả Phìn, xã Tả Phìn cũ. Đất đang tranh chấp chưa được cơ quan Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình ông. Phần đất đang tranh chấp hiện chỉ để thả trâu không canh tác loại cây gì, chờ giải quyết tranh chấp xong mới tiếp tục sử dụng.

Vì vậy, ông yêu cầu ông Tân In S phải trả lại cho ông **27.445,2m²** (sau khi xem xét thẩm định tại chỗ, diện tích ông yêu cầu đòi lại theo đo đạc thực tế như kết quả đo đạc) và yêu cầu ông S phải bồi thường thiệt hại về tài sản do ông S gây ra, gồm: 3.000 cây quế trồng năm 2019, giá trị 300.000.000 đồng; cây sắn trên diện tích 13.160m², giá trị 6.000.000 đồng; Cây ngô tương ứng 15kg giống, giá trị 7.000.000 đồng. Tổng cộng ông yêu cầu bồi thường **313.000.000 đồng**.

Tại phiên tòa, ông G giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc buộc ông S phải trả lại **27.445,2m²** đất và rút một phần yêu cầu về việc buộc ông S phải bồi thường thiệt hại về tài sản do ông S gây ra, gồm: 3.000 cây quế trồng năm 2019,

giá trị 300.000.000 đồng; cây sắn trên diện tích 13.160m², giá trị 6.000.000 đồng; Cây ngô tương ứng 15kg giống, giá trị 7.000.000 đồng. Tổng cộng ông yêu cầu bồi thường **313.000.000 đồng**.

2. Bị đơn ông Tân In S trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông S, trình bày:

Về nguồn gốc đất: Thửa đất nằm ở khu vực bản L Ch, trước đây là đất bỏ hoang. Từ năm 2001, vợ chồng anh S cùng em trai đi khai hoang, đào rãnh, làm hào, rào xung quanh để xác định ranh giới và sử dụng làm nương. Việc đào hào, rào nương có sự chứng kiến của ông G, ông G còn chỉ tay thống nhất vị trí đường hào giữa hai bên.

Quá trình sử dụng: Sau khi đào rãnh năm 2001-2002, gia đình ông S thả trâu, trồng ngô, trồng sả liên tục cho đến năm 2024. Ông cho rằng chỉ đến năm 2007, ông Tân Páo G mới đến trồng ngô một năm nhưng gia đình ông S không đồng ý nên đã ngăn lại. Đến năm 2012 gia đình ông đi xuống làm nương thì ông G cản trở, ông đã đề nghị với UBND xã Tả Phìn hòa giải ba lần vào các năm 2012, năm 2020 và năm 2021 nhưng không có kết quả và từ đó đến nay 02 bên gia đình vẫn tranh chấp với nhau.

Hiện trạng đất: Diện tích khoảng hơn 1 ha, là loại đất nương tại khu vực bản Liều Chải, xã Tả Phìn, huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu. Các vị trí tiếp giáp: Phía trên giáp đất của ông Tân Páo G; Phía dưới giáp đất của ông Sé; phía bên Phải giáp đất của ông Su Chòi; Phía bên trái giáp khe suối nhỏ. Gia đình ông cũng chưa được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc giao đất. Hiện tại anh vẫn đang quản lý trồng ngô và trồng cây sả từ năm 2020 cho đến nay. Sau khi có kết quả xem xét thẩm định tại chỗ, ông S xác định diện tích đất tranh chấp là **27.445,2m²**.

Ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn: Anh không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, vì: gia đình anh sử dụng đất ổn định, liên tục gần 25 năm; ông G không có tài liệu chứng minh quyền sử dụng hợp pháp; diện tích đất chưa từng được cấp giấy chứng nhận cho hộ gia đình ông G. Ông G rút một phần yêu cầu về bồi thường thiệt hại về tài sản ông hoàn toàn nhất trí. Anh S không có yêu cầu phản tố và giữ nguyên ý kiến tại các lời khai.

3. Trình bày của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Bà Tân Sun M (vợ ông Tân Páo G): Bà xác nhận diện tích đất tranh chấp là do bố mẹ chồng cho từ trước, gia đình vẫn quản lý và sử dụng để thả trâu từ đó cho đến nay, Bà nhất trí với toàn bộ yêu cầu của ông G.

- Bà Tân Mí Kh (vợ ông Tân In S): Bà khẳng định gia đình bà là người khai hoang từ năm 2001, đã đào hào, rào xung quanh và sử dụng ổn định. Bà

hoàn toàn nhất trí với lời trình bày của ông S và cũng không đồng ý yêu cầu đòi đất của ông G và nhất trí về việc ông G rút yêu cầu khởi kiện về việc bồi thường thiệt hại về tài sản.

- Ủy ban nhân dân xã Sìn Hồ, xác nhận: diện tích đất đang tranh chấp giữa có diện tích là 27.445,2 m² tại thửa đất số 25, tờ bản đồ số 01 theo bản đồ giao đất nông nghiệp năm 2013. Hiện nay do UBND xã Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu đang quản lý. Từ thời điểm tháng 01 năm 1993 đến nay hộ gia đình ông Tấn Páo G và ông Tấn In S, không ai có đơn đề nghị gì (qua theo dõi sổ sách quản lý). Hiện nay do UBND xã Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu đang quản lý không ai được lấn chiếm và sử dụng.

4. Trình bày của những người làm chứng:

Tòa án đã lấy lời khai nhiều người làm chứng, gồm: Tấn A S, Tấn Yêu S, Liều A L, Liều A D, Vàng Thị G, Thào A S, Liều A K(1944), Liều A K(1963), Chèo Duyên Q, Thào A Ch, Thào A S, Tấn Sính S...

- Nhóm làm chứng xác nhận ông G sử dụng đất:

Một số người cao tuổi (ông Liều A K, sinh năm 1963, ông Liều A K sinh năm 1944, ông Thào A S, sinh năm 1976 và bà Vàng Thị G, sinh năm 1959...) đều xác định: Là người cùng bản và có đám nương gần nương ông Tấn Páo G, thường xuyên chứng kiến ông G sử dụng và canh tác liên tục tại đám nương đó từ năm 1987 đến nay.

Ông Liều A D- Trưởng bản Liều Chải xác nhận: trong thời gian là trưởng bản từ năm 2017 cho đến nay thường xuyên chứng kiến ông Tấn Páo G sử dụng và canh tác liên tục tại đám nương đó từ năm 2017 đến nay.

- Ông Chèo Duyên Q: Ông được bố mẹ ông G là cụ Tấn Kin Hvà Tấn Diễn Ph cho mượn mảnh nương có địa chỉ tại khu vực Cu Sù Phìn, bản Liều Chải, xã Tả Phìn, huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu nay là Bản L Ch, xã S H, tỉnh Lai Châu. Ông canh tác trồng sắn, chuối, ngô và các loại cây màu từ năm 1979 đến năm 1983 sau đó ông trả lại thửa đất cho cụ Tấn Kin Hvà cụ Tấn Diễn Ph canh tác và sử dụng. Ông vẫn sinh sống và làm ăn tại bản Liều Chải, thường xuyên thấy anh Tấn Páo G trồng trọt và canh tác tại đám nương rẫy của cụ Tấn Kin Hvà cụ Tấn Diễn Ph.

- Người làm chứng xác nhận anh S khai hoang từ 2001:

Ông Tấn A S: Năm 2001, ông S thấy ông Tấn In S đào rãnh hào và rào lại khu vực đây để thả trâu. Đến năm 2002 trâu bị dịch bệnh long móng, lở mồm nên ông thấy ông Tấn In S thả trâu ở đây. Lý do ông S đào rãnh hào, rào và thả trâu ở vị trí đó là do gia đình ông cũng có đám ruộng, nương gần đó nên đi làm

ruộng, nương của gia đình ông Tần A S đi qua vị trí của ông S nên ông nhìn thấy. Từ năm 2002 đến năm 2003 do gia đình ông không làm nên ông không đến vị trí đất của gia đình ông nữa nên ông không biết gia đình ông Tần In S có làm hay không thì ông không nắm rõ.

Ông Tần Yêu S: Về nguồn gốc đất đang tranh chấp giữa ông S và ông G tại Khu vực Bản L Ch, xã S H, tỉnh Lai Châu: Năm 2001 ông thấy ông S có đào rãnh, rào xung quanh đất, đến năm 2002 có dịch long móng, lở mồm trâu thì ông thấy ông S đưa trâu vào đây thả. Đến năm 2020 thì ông có được đi trồng sả với gia đình ông Tần In S tại diện tích đất. Lý do ông Tần Yêu S thấy là do gia đình ông cũng có đám nương ở gần đó nên ông biết và được đi giúp gia đình nhà ông S trồng Sả ở diện tích đất đó.

5. Kết quả xác minh:

- Biên bản làm việc ngày 18/10/2025 với ông Tần Sênh S: thửa đất đang tranh chấp có nguồn gốc là nương của người Mông không sử dụng, bỏ hoang nhiều năm. Năm 2001 anh Tần In S rào lại để sử dụng và thả trâu; đất nương không phải của bố mẹ ông G tặng cho mà phần nương tặng cho là phần đất nằm phía trên mảnh nương đang tranh chấp. Năm 2012 anh S trồng ngô, đến năm 2020 anh S trồng sả và ép sả để lấy dầu bán cho người tiêu dùng. Do ông Sênh ở gần mảnh nương đang tranh chấp, được chứng kiến nên biết nội dung sự việc.

- Biên bản làm việc ngày 09/10/2025 với ông Chèo A Sử- Nguyên là công chức địa chính xã Tả Phìn, huyện Sìn hồ, tỉnh Lai Châu nay là Chuyên viên Ban xây dựng Đảng ủy xã Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu xác nhận: Nguồn gốc đất đang tranh chấp trước đây là bãi thả trâu của bản Liều Chải, ông G và ông S tranh chấp từ năm 2021 đến nay. Trong quá trình giải quyết vụ việc tại bản và xã đã lập biên bản hòa giải để giải quyết vụ việc hai bên đã thống nhất được với nhau. Tuy nhiên, sau một thời gian ông Tần Páo G khởi kiện lại và gửi đơn cho Tòa án. Trong quá trình hòa giải đã xác minh thực tế tại vị trí đất tranh chấp giữa ông G và ông S để kiểm tra về tài sản trên đất, ông Sử chỉ thấy cỏ tranh và các cây khô, còn theo lời khai của mọi người có gì thì ông không rõ. Theo ông Sử được biết đất này được Ủy ban nhân dân xã Tả Phìn quản lý chung để trả trâu chưa giao cho cá nhân, hộ gia đình nào quản lý...

- Tại biên bản hòa giải của Ủy ban nhân dân xã Tả Phìn, huyện Sìn Hồ nay là xã Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu ngày 16/12/2021 thể hiện: Về giấy tờ liên quan thửa đất đang tranh chấp cả hai bên đều không có; lô đất được xác định là đất nông nghiệp nhưng không được canh tác thường xuyên và không có chủ sử dụng cố định, chưa được cấp có thẩm quyền cấp hoặc giao quyền sử dụng cho tổ chức, cá nhân nào.

- Kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Tả Phìn, huyện Sìn Hồ, nay là xã Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu: Tại biên bản hòa giải tại Ủy ban xã ngày 15/8/2013 ông Tẩn Páo G trình bày: vào năm 1997 ông có khai hoang được một đám nương bên dưới ruộng của gia đình ông thuộc khu vực (Khu Sù Phìn), Tả Phìn. Từ khi khai hoang ông đã trồng ngô, sắn canh tác liên tục. Đến năm 2005, ông Tẩn In S, ở bản Tả Phìn, có dất trâu xuống thả được 02 tháng thì ông S dất trâu về. Đến năm 2012 thì ông Tẩn In S vào phát đám nương đó và đào đường băng từ giữa đám nương của ông xuống tận cuối nương đó để trồng cao su...

- Tại Công văn số 292/BQLR-TH ngày 31/10/2024 của Ban quản lý rừng phòng hộ UBND huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu cho biết: Diện tích đất tranh chấp không nằm trong giao đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Ban quản lý rừng phòng hộ huyện... Diện tích đất rừng thuộc quản lý của UBND xã Tả Phìn.

- Biên bản xác minh ngày 25/11/2025, Hạt kiểm lâm Sìn Hồ, xác định: diện tích đất đang tranh chấp tại lô 8, khoảnh 3, tiểu khu 185 với diện tích là 27.445,2 m² theo bản đồ hiện trạng rừng năm 2024, huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu phù hợp với thửa đất số 25, tờ bản đồ số 01 bản đồ giao đất nông nghiệp năm 2013. Toàn bộ diện tích đất đang tranh chấp trên là do UBND xã Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu đang quản lý, Hạt kiểm lâm Sìn Hồ không được giao quản lý.

- Biên bản xác minh, ngày 25/11/2025, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Sìn Hồ, xác nhận: đối với thửa đất đang tranh chấp, theo bản đồ lâm nghiệp do Hạt kiểm lâm Sìn Hồ, tại vị trí lô 8, khoảnh 3, tiểu khu 185 so với diện tích đất đang tranh chấp tại thửa đất số 25, tờ bản đồ số 01, theo bản đồ giao đất nông nghiệp năm 2013 do UBND xã Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu đang quản lý là cùng 01 (một) vị trí, có diện tích 27.445,2 m².

6. Kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ:

- Tại biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ, theo yêu cầu của nguyên đơn, ngày 08/10/2024. Kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ như sau: Vị trí tại khu vực bản Cu Su Phìn thuộc khu vực quản lý của bản Liều Chải, xã Tả Phìn, huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu; Tứ cận: do khu vực tranh chấp chưa được đo đạc bản đồ địa chính nên không xác định được tứ cận; Diện tích: 26.559,1 m². Trong đó rừng thuộc tiểu khu 185 khoảnh 3 lô 8 diện tích 0,74482 ha, không có rừng 1,9218 ha. Hiện diện tích đất trên đang được trồng cây Xả (Sả) và đào hào xung quanh khu đất. (có sơ đồ kèm theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ thẩm định, ngày 08/10/2024).

- Tại biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ, theo yêu cầu của bị đơn, ngày 19/9/2025. Kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ như sau: Vị trí: tại khu vực bản Cu Su Phìn thuộc khu vực quản lý của Bản L Ch, xã S H, tỉnh Lai Châu. Kết quả

đo thực tế: diện tích là 27.445.2 m² với tổng số 30 mốc giới. Tứ cận: phía Tây Bắc giáp đất ông Thào A S, phía Tây Nam giáp khe nước, phía Đông Nam giáp đất ông Tần Páo G, phía Đông Bắc giáp khe nước. Hiện trạng đất: Trên đất chỉ có một số gốc cây Sả. Ngoài ra không có cây Quế theo như lời khai của ông Tần Páo G. (có sơ đồ kèm theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ thẩm định ngày 19/9/2025).

Diện tích đất tranh chấp: các đương sự nhất trí, theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ (theo yêu cầu của bị đơn), ngày 19/9/ 2025. Kết quả đo thực tế: diện tích là 27.445.2 m² với tổng số 30 mốc giới. Vị trí tại khu vực bản Cu Su Phìn thuộc khu vực quản lý của Bản L Ch, xã S H, tỉnh Lai Châu. Tứ cận: phía Tây Bắc giáp đất ông Thào A S, phía Tây Nam giáp khe nước, phía Đông Nam giáp đất ông Tần Páo G, phía Đông Bắc giáp khe nước.

6. *Kết quả phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải:* Ngày 26/3/2025, Tòa án nhân dân huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu đã tiến hành kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Các đương sự không bổ sung thêm tài liệu, chứng cứ gì thêm và không yêu cầu Tòa án triệu tập thêm đương sự và những người tham gia tố tụng khác. Các bên không thống nhất được việc giải quyết vụ án.

7. *Tại phiên toà:*

7.1. *Kết quả tranh tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Tần Páo G vẫn giữ nguyên quan điểm yêu cầu khởi kiện đòi trả lại diện tích đất và đề nghị Tòa án buộc ông Tần In S, trả lại diện tích đất cho ông (theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 19/9/2025) đo lần 2 theo yêu cầu của bị đơn Tần In S, với tổng diện tích đất đang có tranh chấp sau khi đo đạc thực tế là 27.445.2 m² với tổng số 30 mốc giới. Vị trí: phía Tây Bắc giáp đất ông Thào A S, phía Tây Nam giáp khe nước, phía Đông Nam giáp đất ông Tần Páo G, phía Đông Bắc giáp khe nước .

Bị đơn không nhất trí yêu cầu của nguyên đơn và không có yêu cầu phản tố. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn phát biểu quan điểm:

Ông Tần Páo G rút yêu cầu về việc buộc ông S phải bồi thường thiệt hại về tài sản do ông S gây ra, gồm: 3.000 cây quế trồng năm 2019, giá trị 300.000.000 đồng; cây sắn trên diện tích 13.160m², giá trị 6.000.000 đồng; Cây ngô tương ứng 15 kg giống, giá trị 7.000.000 đồng. Tổng cộng ông yêu cầu bồi thường 313.000.000 đồng. Việc rút yêu cầu trên là hoàn toàn tự nguyện, nên đề nghị HĐXX xem xét đình chỉ xét xử đối với yêu cầu trên là phù hợp với quy

định của điều 244 BLTTDS năm 2015. Đề nghị Tòa án trả lại số tiền tạm ứng án phí theo quy định tại điều 144 BLTTDS năm 2015.

Đối với yêu cầu về việc buộc bị đơn trả lại 27.445.2 m² đất.

Về nguồn gốc đất và quá trình sử dụng: thửa đất trên là do bố mẹ của ông Tản Páo G là các cụ Tản Kìn Hvà Tản Diên Ph để lại cho ông canh tác thường xuyên liên tục, ông Tản Páo G có trồng các loại cây sắn, cây chuối, cây ngô, cây quế và cây ăn quả ... từ năm 1987, đến năm 2012 thì xảy ra tranh chấp với ông Tản In S. Sau đó thì gia đình ông Tản Páo G tiếp tục sử dụng, đến năm 2019 gia đình ông trồng cây quế, có giấy tờ về việc mua giống cây quế. Đến năm 2020 thì bị gia đình ông S đốt phá hoại và chiếm diện tích đất này của gia đình ông Tản Páo G. Nguyên đơn đã làm đơn gửi đến UBND xã Tả Phìn cũ, nay là xã Sìn Hồ để được giải quyết. Tuy nhiên do sự thiếu trách nhiệm của công chức và cán bộ xã Tả Phìn cũ nên đã không tiến hành xác minh diện tích cây quế bị cháy và chuyển hồ sơ sang Công an để điều tra việc cố ý hủy hoại tài sản của công dân dẫn đến thiệt thòi cho nguyên đơn ông Tản Páo G, dẫn đến việc nguyên đơn ông Tản Páo G phải rút yêu cầu bồi thường trong phiên xét xử hôm nay. Việc cho đất của bố mẹ không để lại giấy tờ gì là phù hợp với tập quán của người dân địa phương, tại khu vực người dân tộc thiểu số. Thửa đất của ông Tản Páo G đang sử dụng đã được phân định danh giới với các hộ gia đình liền kề, trong quá trình sinh sống và sử dụng trồng trọt và canh tác thường xuyên, có các ông bà cùng Bản L Ch, xã S H, tỉnh Lai Châu làm chứng, gồm: ông Liều A K, sinh năm 1963, ông Liều A K, sinh năm 1944, ông Thào A S, sinh năm 1976, bà Vàng Thi Giông, sinh năm 1959, ông Liều A D, sinh năm 1988. Ngoài ra việc ông Liều A D là trưởng bản, đã có văn bản xác nhận về quá trình sử dụng đất của ông Tản Páo G là chứng cứ xác thực nhất về quá trình sử dụng đất là có căn cứ đúng quy định của pháp luật. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Tản Páo G. Buộc bị đơn ông Tản In S phải chấm dứt hành vi xâm phạm trái pháp luật quyền sử dụng đất của nguyên đơn ông Tản Páo G; buộc bị đơn ông Tản In S phải trả lại diện tích đất đang tranh chấp là 27.445.2 m² (theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 19/9/2025) cho nguyên đơn ông Tản Páo G. Về án phí: đề nghị miễn án phí cho nguyên đơn ông Tản Páo G do ông G là người đồng bào dân tộc thiểu số sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, có đơn xin miễn án phí và trả lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí mà ông G đã nộp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn phát biểu quan điểm:
Thửa đất đang tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn, có nguồn gốc là đất bỏ hoang trong nhiều năm, đến năm 2001 được gia đình bị đơn đào hào, xác định ranh giới với các khu vực xung quanh, phát nương để thả trâu và quản lý, sử

dụng ổn định. Trong quá trình đào đường hào để xác định ranh giới, không xảy ra tranh chấp với bất kỳ ai, không có ai có ý kiến phản đối (thể hiện việc tranh chấp chỉ xảy ra và được hòa giải vào các năm 2012, 2020 và 2021) và phù hợp với lời khai của bị đơn về việc năm 2001 khi đi đào hào ông Tấn Páo G cũng không phản đối gì (đào năm 2001 nhưng phát sinh tranh chấp vào năm 2013, năm 2021 được UBND xã hoà giải). Điều này thể hiện việc sử dụng đất của nguyên đơn không được thường xuyên liên tục. Tại đơn khởi kiện và lời khai trình bày của nguyên đơn, thể hiện: nguồn gốc đất là đất của bố mẹ tặng cho, tuy nhiên nguyên đơn không cung cấp được chứng cứ, tài liệu về việc bố mẹ của nguyên đơn là người khai hoang sử dụng đất, không chứng minh được việc tặng cho, không có giấy tờ tặng cho. Tại Biên bản xác minh năm 2013 nguyên đơn trình bày nguồn gốc đất đang tranh chấp là do nguyên đơn khai hoang mâu thuẫn với lời khai tại Tòa án và lời trình bày trong đơn khởi kiện (tặng cho). Đối với lời khai của người làm chứng ông Chèo Diễm Quan, cho rằng: mượn đất của bố mẹ nguyên đơn sau đó trả lại nhưng không có chứng cứ về việc mượn đất để canh tác, không thể hiện cụ thể diện tích đất, vị trí đất ở đâu. Ngoài ra, diện tích đất đang tranh chấp là đất nông nghiệp không có các loại giấy tờ theo như quy định của Luật đất đai, Nhà nước chưa có quyết định cấp GCNQSD đất hoặc giao cho ai sử dụng. Ngoài ra năm 2007 ông Tấn Páo G có đến trồng ngô, nhưng anh Tấn In S không đồng ý nên việc trồng ngô của Tấn Páo G phải dừng lại, thể hiện việc nguyên đơn đã thừa nhận quyền sử dụng của bị đơn Tấn In S. Bị đơn tiếp tục quản lý sử dụng mảnh nương để trồng ngô, trồng sả cho đến năm 2024 thu hoạch và chế biến tinh dầu sả; khi nguyên đơn khởi kiện ra Tòa án bị đơn mới dừng lại việc trồng trọt để chờ kết quả giải quyết của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Như vậy không có căn cứ để chứng minh thửa đất đang tranh chấp thuộc quyền sử dụng của nguyên đơn và yêu cầu bị đơn trả lại cho nguyên đơn là không có căn cứ pháp lý nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét không chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn ông Tấn Páo G.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Lai Châu tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

Về tố tụng: việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đã thực hiện đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 5, khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, c khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 157, Điều 158, Điều 227, 228, 229, 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án; Điều 95, 101, 164, 166, 170

Luật Đất đai 2013; Điều 236 Luật đất đai sửa đổi bổ sung năm 2024; Điều 91 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại về tài sản tổng số tiền 313.000.000 đồng của nguyên đơn.

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả lại diện tích diện tích là 27.445.2 m² đất tại khu vực bản Cu Su Phin thuộc khu vực quản lý của Bản L Ch, xã S H, tỉnh Lai Châu.

- Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận nhưng ông G thuộc trường hợp được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nên đề nghị miễn án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn.

- Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Do yêu cầu của nguyên đơn không được chấp nhận nên ông G phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên tại phiên tòa, hai bên đương sự thống nhất mỗi bên sẽ chịu một nửa chi phí thẩm định tại chỗ nên đề nghị HĐXX công nhận sự thỏa thuận của đương sự nội dung này.

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng.

Theo đơn khởi kiện nguyên đơn khởi đề nghị Tòa án giải quyết: yêu cầu bị đơn trả diện tích khoảng 2,5 ha đất và yêu cầu bồi thường thiệt hại do ông S gây thiệt hại, với tổng số tiền là 313.000.000 đồng. Bị đơn không có yêu cầu phản tố, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập. Vì vậy, quan hệ pháp luật trong vụ án được xác định là “Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu bồi thường thiệt hại” thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Sìn Hồ (nay là TAND khu vực 3- Lai Châu) theo quy định tại khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 202, Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án (Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025) Điều 5, Điều 6 Nghị quyết số

01/2025/NQ- HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

[2]. Về nội dung.

[2.1]. Đối với ý kiến của nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc buộc bị đơn phải bồi thường thiệt hại về tài sản do ông S gây ra, gồm: 3.000 cây quế trồng năm 2019, giá trị 300.000.000 đồng; cây sắn trên diện tích 13.160m², giá trị 6.000.000 đồng; Cây ngô tương ứng 15kg giống, giá trị 7.000.000 đồng. Tổng cộng ông yêu cầu bồi thường 313.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy việc rút yêu cầu của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc, phù hợp với quy định của pháp luật nên đình chỉ xét xử đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản của nguyên đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.2]. Đối với yêu cầu về việc trả lại đất của nguyên đơn:

[2.2.1]. Xác định vị trí, diện tích đất tranh chấp:

Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đã thống nhất cùng Tòa án xác định theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 19/9/2025: Diện tích là 27.445.2 m² với tổng số 30 mốc giới. Vị trí: tại khu vực bản Cu Su Phìn thuộc khu vực quản lý của Bản L Ch, xã S H, tỉnh Lai Châu. Tờ cận: phía Tây Bắc giáp đất ông Thào A S, phía Tây Nam giáp khe nước, phía Đông Nam giáp đất ông Tản Páo G, phía Đông Bắc giáp khe nước. Hiện trạng đất: Trên đất tranh chấp chỉ có một số gốc cây sắn.

[2.1.2]. Nguồn gốc và quá trình sử dụng đất tranh chấp: nguyên đơn, bị đơn đều khẳng định diện tích đất tại khu vực bản Cu Su Phìn thuộc khu vực quản lý của bản Liều Chải, xã Tả Phìn nay là xã Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu là do khai hoang, sử dụng liên tục. Tuy nhiên trong quá trình sử dụng đất nguyên đơn, bị đơn chưa đi kê khai hay có đơn đề nghị với UBND xã Tả Phìn nay là xã Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu để xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Phía nguyên đơn trình bày: đối với diện tích đất nương khoảng 2,5 ha, sau khi đo đạc thực tế là 27.445.2 m², chưa được cơ quan nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, là do bố mẹ để lại cho vợ chồng ông, từ năm ông G 23 tuổi (năm 1991), có làm giấy, nhưng để mất. Đến năm 1987 ông đào rãnh, kê đá khoanh vùng sử dụng để trồng ngô, sắn và không có tranh chấp ai, được nhân dân trong bản Liều Chải, xã Tả Phìn nay là xã Sìn Hồ biết. Đến năm 2012 ông Tản In S đến tranh chấp và phá ngô, sắn của gia đình ông; đến năm 2019 gia đình ông trồng cây Quế. Sau đó ông S đến đốt cây Quế của gia đình ông nên giữa ông và ông Tản In S xảy ra tranh chấp. Tuy nhiên, theo biên bản xác minh ngày 15/8/2013 tại Ủy ban nhân dân xã Tả Phìn, nay là xã Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu, ông Tản Páo G, trình bày: vào năm 1997 ông có khai hoang được một đám nương bên dưới ruộng của gia đình ông thuộc khu vực (Khu Sù Phìn) Tả

Phìn. Từ khi khai hoang ông đã trồng ngô, sản canh tác liên tục. Đến năm 2005, ông Tần In S, ở bản Tả Phìn, có đất trâu xuống thả được 02 tháng thì ông S đất trâu về; đến năm 2012 thì ông Tần In S vào phát đám nương đó và đào đường băng từ giữa đám nương của tôi xuống tận cuối nương đó để trồng Cao Su... Sau đó thì xảy ra tranh chấp giữa ông và ông Tần In S.

Bị đơn cho rằng toàn bộ diện tích đất nguyên đơn tranh chấp với bị đơn, có nguồn gốc là đất bỏ hoang trong nhiều năm; có diện tích sau khi đo đạc thực tế là 27.445.2 m²; có vị trí tại khu vực Bản L Ch, xã S H, tỉnh Lai Châu nay là xã Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu. Tờ cận: phía Tây Bắc giáp đất ông Thào A S, phía Tây Nam giáp khe nước, phía đông giáp đất ông Tần Páo G, phía Đông Bắc giáp khe nước; chưa có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, năm 2001 được gia đình anh S đào hào, xác định ranh giới với các khu vực xung quanh, phát nương để thả trâu và quản lý liên tục và sử dụng ổn định để trồng ngô. Trong quá trình đào đường hào để xác định ranh giới, không xảy ra tranh chấp với bất kỳ ai, không có ai có ý kiến phản đối và được ông G thống nhất ranh giới đất của hai bên gia đình. Đến năm 2007 ông Tần Páo G có đến trồng ngô, nhưng anh S không đồng ý nên việc trồng ngô của ông G phải dừng lại. Gia đình anh Tần In S tiếp tục quản lý sử dụng mảnh nương để trồng ngô, trồng sả cho đến năm 2024 thu hoạch và chế biến tinh dầu Sả; khi ông Tần Páo G đến tranh chấp và khởi kiện ra Tòa án thì anh S mới dừng lại việc trồng trọt để chờ kết quả giải quyết của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ngoài lời khai của nguyên đơn ông Tần Páo G, Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn cung cấp thêm văn bản xác nhận của ông Liều A K, ông Liều A K, ông Thào A S, bà Vàng Thị G, ông Liều A D, công dân ở bản Liều Chải, xã Tả Phìn nay là xã Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu, đều xác nhận diện tích đất đang tranh chấp là do ông G sử dụng và canh tác liên tục tại đám nương đó từ năm 1987 đến nay; những người làm chứng do ông G đề nghị cũng chỉ khẳng định ông G sử dụng và canh tác nhưng không biết rõ diện tích cụ thể là bao nhiêu và vị trí đất ở đâu nên không có căn cứ để Hội đồng xét xử chứng minh lời khai của các nhân chứng là có cơ sở; ngoài ra ông G không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì khác để chứng minh diện tích đất đang tranh chấp là do ông khai hoang hay được bố mẹ ông tặng cho ông G. Đối với bị đơn và chị Kh cũng không có căn cứ nào khác ngoài lời khai của mình cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào có liên quan đến diện tích đất tranh chấp; lời khai của ông Tần A S và Tần Yêu S là người làm chứng do bị đơn đề nghị cũng chỉ có ý kiến trình bày năm 2001, thấy anh Tần In S đào rãnh hào và rào lại khu vực tranh chấp để thả trâu tránh dịch. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn cung cấp, biên bản làm việc với ông Tần Sính S, ông Sính cũng chỉ biết: thửa đất đang tranh chấp giữa Tần In S và Tần Páo G có nguồn gốc là nương của người Mông không sử dụng, bỏ hoang nhiều năm. Năm 2001 anh Tần In S rào lại để sử dụng và thả trâu. Nguồn gốc

nương không phải của bố mẹ ông G tặng cho; nương tặng cho là phần đất nằm phía trên mảnh nương đang tranh chấp. Năm 2012 anh S trồng ngô; đến năm 2020 anh S trồng Sả và ép Sả để lấy dầu bán cho người tiêu dùng... nhưng cũng không biết rõ về diện tích và vị trí rõ ràng. Vì vậy, nguồn gốc, quá trình sử dụng đất ổn định, liên tục của nguyên đơn, bị đơn là không phù hợp.

Hội đồng xét xử thấy rằng, do nguyên đơn và bị đơn có lời khai khác nhau về lịch sử khai phá và quá trình sử dụng thửa đất nêu trên, cũng như không có đương sự nào cung cấp được các tài liệu, chứng cứ hợp pháp nào để chứng minh quyền sử dụng hợp pháp đối với diện tích đất tranh chấp (ví dụ: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giấy tờ mua bán, tặng cho hợp pháp, kê khai đăng ký...). Vì vậy, nguồn gốc đất, quá trình sử dụng ổn định đất tranh chấp trong quá trình dài, liên tục của nguyên đơn, bị đơn là không phù hợp với Công văn số 292/BQLR-TH ngày 31/10/2024 của Ban quản lý rừng phòng hộ UBND huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu, Hạt kiểm lâm Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu; Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Sìn Hồ và ý kiến UBND xã Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu, đều khẳng định rằng: Diện tích đất đang tranh chấp giữa ông Tấn Páo G và ông Tấn In S, có Diện tích là 27.445,2 m² tại thửa đất số 25, tờ bản đồ số 01 theo bản đồ giao đất nông nghiệp năm 2013. Hiện nay do UBND xã Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu đang quản lý. Ngoài ra UBND xã Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu, qua theo dõi sổ sách quản lý: Từ thời điểm tháng 01 năm 1993 đến nay hộ gia đình ông Tấn Páo G và ông Tấn In S, không ai có đơn đề nghị gì. Vì vậy, diện tích đất này, hiện nay do UBND xã Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu đang quản lý, không ai được lấn chiếm và sử dụng.

Trên cơ sở nhận định về nguồn gốc đất, quá trình sử dụng như đã phân tích ở trên, đối chiếu hồ sơ và kết quả xem xét thẩm định tại chỗ, về vị trí, diện tích thửa đất là phù hợp với các ý kiến nêu trên. Do vậy nguyên đơn ông Tấn Páo G khởi kiện yêu cầu bị đơn anh Tấn In S trả cho nguyên đơn 27.445,2 m² là không có căn cứ chấp nhận.

[3] Về án phí và chi phí tố tụng:

[3.1] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Tấn Páo G không được Tòa án chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên, nguyên đơn ông Tấn Páo G là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở bản có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ và có đơn xin được miễn án phí dân sự sơ thẩm. Vì vậy, miễn án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Trả lại cho ông G số tiền 7.825.000 đồng (*Bảy triệu tám trăm hai mươi năm nghìn đồng*) đã nộp tạm ứng án phí sơ thẩm.

[3.2] *Về chi phí tố tụng*: Căn cứ khoản 1 Điều 157; khoản 2 Điều 158 Bộ luật tố tụng Dân sự nguyên đơn ông Tấn Páo G phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ (02 lần) với tổng số tiền là 20.481.000 đồng (*Hai mươi triệu bốn trăm tám mươi một nghìn đồng*). Tuy nhiên tại phiên tòa, hai bên đương sự thỏa thuận và thống nhất mỗi bên sẽ chịu $\frac{1}{2}$ số tiền 20.481.000 đồng tiền chi phí tố tụng nên căn cứ Điều 246 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện, thỏa thuận của đương sự, cụ thể: nguyên đơn, bị đơn mỗi người phải chịu 10.240.500 đồng tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Xác nhận ông Tấn Páo G đã nộp 8.000.000 đồng, do vậy ông G còn thiếu 2.240.500 đồng. Ông Tấn In S đã nộp 14.981.000 đồng, ông Tấn In S còn được nhận lại số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 4.740.500 đồng (trong đó tòa án đã hoàn trả lại cho ông Tấn In S, số tiền là 2.500.000 đồng, theo biên bản giao nhận ngày 05/12/2025), số tiền còn lại 2.240.500 đồng, buộc bị đơn ông Tấn Páo G phải có trách nhiệm trả cho bị đơn ông Tấn In S số tiền chi phí tố tụng là 2.240.500 đồng.

[4] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo đối với nội dung liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo đối với nội dung liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

[5] Về quan điểm của người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là không phù hợp nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[6] Về quan điểm của người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của bị đơn là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Quan điểm về việc giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về kiến nghị: **Kiến nghị Ủy ban nhân dân cấp xã cần có biện pháp quản lý chặt chẽ đất đai trên địa bàn theo đúng quy định Luật đất đai và tuyên truyền luật đất đai và các văn bản hướng dẫn để mọi người dân đều chấp hành và có ý thức chấp hành pháp luật.**

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Khoản 1 Điều 5, khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, c khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 157; khoản 2 Điều 158; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 2 Điều 228; khoản 2 Điều 229; khoản 2 Điều 244; Điều 246; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 95, 101, 164, 166, 170, 202, 203 Luật Đất đai 2013; Điều 235, Điều 236 Luật đất đai sửa đổi bổ sung năm 2024; Điều 91 Nghị định 43/2014/NĐ- CP ngày 15 tháng 5 năm

2014; Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án (Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025) Điều 5, Điều 6 Nghị quyết số 01/2025/NQ- HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của nguyên đơn Tần Páo G về đòi bồi thường thiệt hại về tài sản tổng số tiền 313.000.000 đồng đối với bị đơn ông Tần In S.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải trả lại 27.445.2 m² đất tại khu vực bản Cu Su Phìn thuộc khu vực quản lý của Bản L Ch, xã S H, tỉnh Lai Châu. Có tứ cận cụ thể: phía Tây Bắc giáp đất ông Thào A S, phía Tây Nam giáp khe nước, phía Đông Nam giáp đất ông Tần Páo G, phía Đông Bắc giáp khe nước (*Có sơ đồ thửa đất kèm theo*).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn. Trả lại cho ông Tần Páo G số tiền 7.825.000 đồng (*Bảy triệu tám trăm hai mươi lăm nghìn đồng*) đã nộp tạm ứng án phí sơ thẩm theo Biên lai số ký hiệu: BLTU/23; số 0000641, ngày 15/ 5/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3- Lai Châu).

4. Chi phí tố tụng: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa nguyên đơn ông Tần Páo G và bị đơn ông Tần In S về việc chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ như sau: Ông Tần Páo G, ông Tần In S mỗi người phải chịu 10.240.500 đồng (*Mười triệu hai trăm bốn mươi nghìn năm trăm đồng*). Xác nhận ông Tần Páo G đã nộp 8.000.000 đồng (*Tám triệu đồng*), ông Tần In S đã nộp 14.981.000 đồng (*Mười bốn triệu chín trăm tám mươi một nghìn đồng*). Xác nhận ngày 05/12/2025 Tòa án đã hoàn trả số tiền tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ còn thừa cho ông Tần In S là 2.500.000 đồng (*Hai triệu năm trăm nghìn đồng*). Ông Tần Páo G có trách nhiệm trả cho ông Tần In S số tiền 2.240.500 đồng (*Hai triệu hai trăm bốn mươi nghìn năm trăm đồng*).

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2, Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9, Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo đối với nội dung liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền

kháng cáo đối với nội dung liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lai Châu;
 - VKSND tỉnh Lai Châu;
 - VKSND khu vực 3- Lai Châu;
 - Các đương sự;
 - UBND xã Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu ;
 - Phòng THADS khu vực 3- Lai Châu;
 - Lưu HSVA.
- .

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Hồng Ngoãn

